

Số: 223 /TBHH-CVHHTH

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng tàu, vùng quay tàu và vùng nước trước cầu cảng thuộc Bến cảng nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn

Vùng biển: Nghi Sơn - Thanh Hóa

Tên Luồng: Luồng vào Bến cảng nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét đơn đề nghị số 0714/2025/NSRP-AI ngày 04/9/2025 của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn;

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa thông báo thông số kỹ thuật của luồng tàu, vùng quay tàu và vùng nước trước cầu cảng thuộc Bến cảng nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 550kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ như sau:

1. Đoạn luồng từ cặp phao NS1, NS2 đến cặp phao NS11, NS12:

Đoạn luồng từ cặp phao số NS1, NS2 đến cặp phao số NS11, NS12: Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 150m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu đạt: 13m (mười ba mét).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 12m đến 12.9m, tại phía biên phải luồng, từ phao NS5 đến hạ lưu phao NS11. Khu vực rộng nhất lấn vào luồng khoảng 40m.

2. Đoạn luồng từ cặp phao NS11, NS12 đến cặp phao NS19, NS20:

Đoạn luồng từ cặp phao số NS11, NS12 đến cặp phao số NS19, NS20: Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 150m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu đạt: 12,4m (mười hai mét bốn).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 10,6m đến 12.2m, tại phía biên phải luồng, từ phao NS11 đến hạ lưu phao NS19. Khu vực rộng nhất lấn vào luồng khoảng 41m.

3. Vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng quay tàu được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
Z5	19°21'43.7"	105°47'59.0"	19°21'40.1"	105°48'05.7"
V1	19°21'49.3"	105°47'46.7"	19°21'45.7"	105°47'53.5"
F1	19°21'53.5"	105°47'43.5"	19°21'49.9"	105°47'50.2"
E4	19°21'48.5"	105°47'36.4"	19°21'44.9"	105°47'43.2"
I	19°21'48.0"	105°47'32.6"	19°21'44.4"	105°47'39.3"
V4	19°21'37.0"	105°47'33.8"	19°21'33.4"	105°47'40.5"
Z4	19°21'38.8"	105°47'58.2"	19°21'35.3"	105°48'04.9"

Độ sâu đạt: 12.m (mười hai mét).

4. Vùng nước trước cầu cảng

4.1. Vùng nước trước cầu cảng 1A, 1B: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
La	19°21'36.5"	105°47'27.1"	19°21'32.9"	105°47'33.9"
S	19°21'36.7"	105°47'30.1"	19°21'33.2"	105°47'36.8"
B7	19°21'49.2"	105°47'24.6"	19°21'45.6"	105°47'31.3"
Hb	19°21'49.1"	105°47'22.3"	19°21'45.5"	105°47'29.0"
Ha	19°21'47.9"	105°47'22.1"	19°21'44.3"	105°47'28.9"

Độ sâu đạt: 9.2m (chín mét hai).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 8,6m đến 9.1m, nằm trên tuyến mép bến, kéo dài từ điểm La về phía điểm Ha khoảng 170m.

4.2. Vùng nước kết nối từ vùng nước trước cầu cảng 1A, 1B đến vùng quay tàu: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
I	19°21'48.0"	105°47'32.6"	19°21'44.4"	105°47'39.3"
V4	19°21'37.0"	105°47'33.8"	19°21'33.4"	105°47'40.5"
S	19°21'36.7"	105°47'30.1"	19°21'33.2"	105°47'36.8"
B7	19°21'49.2"	105°47'24.6"	19°21'45.6"	105°47'31.3"
Ia	19°21'49.6"	105°47'31.5"	19°21'46.0"	105°47'38.2"

Độ sâu đạt: 9.2m (chín mét hai).

4.3. Vùng nước trước cầu cảng 2A: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B9	19°21'56.9"	105°47'25.8"	19°21'53.3"	105°47'32.6"
B4	19°21'51.4"	105°47'30.1"	19°21'47.8"	105°47'36.8"
B3	19°21'52.2"	105°47'31.3"	19°21'48.6"	105°47'38.0"
B2	19°21'57.2"	105°47'27.3"	19°21'53.6"	105°47'34.1"
B	19°21'57.0"	105°47'26.0"	19°21'53.4"	105°47'32.7"

Độ sâu đạt: 8.2m (tám mét hai).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 7.7m đến 8.1m nằm ở phía cuối cầu cảng 2A, kéo dài từ điểm B9 về phía điểm B4 khoảng 30m. Khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 20m.

4.4. Vùng nước trước cầu cảng 2B: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B8	19°21'54.8"	105°47'23.2"	19°21'51.2"	105°47'29.9"
B6	19°21'49.4"	105°47'27.3"	19°21'45.9"	105°47'34.1"
B5	19°21'50.3"	105°47'28.5"	19°21'46.7"	105°47'35.3"
B1	19°21'55.8"	105°47'24.3"	19°21'52.2"	105°47'31.0"
G1	19°21'55.0"	105°47'23.2"	19°21'51.5"	05°47'30.0"

Độ sâu đạt: 8.5m (tám mét năm).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 8.2m đến 8.4m nằm ở phía cuối cầu cảng 2B, kéo dài từ điểm B1 về phía điểm G1. Khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 18m.

4.5. Vùng nước tiếp giáp với vùng nước trước cầu cảng 2A: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B2	19°21'57.2"	105°47'27.3"	19°21'53.6"	105°47'34.1"
B3	19°21'52.2"	105°47'31.3"	19°21'48.6"	105°47'38.0"
E	19°21'56.8"	105°47'30.7"	19°21'53.2"	105°47'37.5"

C	19°21'57.7"	105°47'30.0"	19°21'54.1"	105°47'36.7"
----------	-------------	--------------	-------------	--------------

Độ sâu đạt: 8.4m (tám mét tư).

4.6. Vùng nước tiếp giáp với vùng nước trước cầu cảng 2A và 2B: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B8	19°21'54.8"	105°47'23.2"	19°21'51.2"	105°47'29.9"
Hb	19°21'49.1"	105°47'22.3"	19°21'45.5"	105°47'29.0"
Ia	19°21'49.6"	105°47'31.5"	19°21'46.0"	105°47'38.2"
B3	19°21'52.2"	105°47'31.3"	19°21'48.6"	105°47'38.0"
B6	19°21'49.4"	105°47'27.3"	19°21'45.9"	105°47'34.1"

Độ sâu đạt: 8.3m (tám mét ba).

4.7. Vùng nước trước cầu cảng 4A: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
E2	19°21'57.5"	105°47'34.1"	19°21'53.9"	105°47'40.8"
E6	19°21'50.6"	105°47'39.4"	19°21'47.0"	105°47'46.2"
F1	19°21'53.5"	105°47'43.5"	19°21'49.9"	105°47'50.2"
V2	19°21'58.5"	105°47'39.6"	19°21'54.9"	105°47'46.3"

Độ sâu đạt: 12 m (Mười hai mét).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 11.0 m đến 11.9 m kéo dài từ điểm V2 về phía điểm F1. Khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 25 m.

4.8. Vùng nước trước cầu cảng 4B: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
E1	19°21'57.1"	105°47'31.9"	19°21'53.5"	105°47'38.7"
E5	19°21'49.5"	105°47'37.8"	19°21'45.9"	105°47'44.5"
E4	19°21'48.5"	105°47'36.4"	19°21'44.9"	105°47'43.2"
E3	19°21'55.7"	105°47'30.9"	19°21'52.1"	105°47'37.6"
E	19°21'56.8"	105°47'30.7"	19°21'53.2"	105°47'37.5"

Độ sâu đạt: 12 m (mười hai mét).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 10.2m đến 11.9m nằm ở phía cuối cầu cảng 4B, trong phạm vi được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	19°21'57.1"	105°47'31.9"	19°21'53.5"	105°47'38.7"	Điểm E1
2	19°21'56.8"	105°47'30.7"	19°21'53.2"	105°47'37.5"	Điểm E
3	19°21'55.7"	105°47'30.9"	19°21'52.1"	105°47'37.6"	Điểm E3
4	19°21'54.1"	105°47'32.8"	19°21'50.7"	105°47'38.7"	

4.9. Vùng nước tiếp giáp với vùng nước trước cầu cảng 4B: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
E4	19°21'48.5"	105°47'36.4"	19°21'44.9"	105°47'43.2"
E3	19°21'55.7"	105°47'30.9"	19°21'52.1"	105°47'37.6"
Ia	19°21'49.6"	105°47'31.5"	19°21'46.0"	105°47'38.2"
I	19°21'48.0"	105°47'32.6"	19°21'44.4"	105°47'39.3"

Độ sâu đạt: 10.5 m (mười mét năm).

4.10. Vùng nước trước cầu cảng dịch vụ: trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
La	19°21'36.5"	105°47'27.1"	19°21'32.9"	105°47'33.9"
N6	19°21'31.3"	105°47'29.4"	19°21'27.7"	105°47'36.2"
N5	19°21'31.8"	105°47'30.7"	19°21'28.2"	105°47'37.4"
N4	19°21'32.2"	105°47'30.5"	19°21'28.7"	105°47'37.2"
N3	19°21'33.1"	105°47'32.7"	19°21'29.5"	105°47'39.4"
N2	19°21'35.5"	105°47'32.2"	19°21'31.9"	105°47'38.9"
N1	19°21'36.9"	105°47'32.8"	19°21'33.4"	105°47'39.5"

Độ sâu đạt: 6.6 (sáu mét sáu).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 6.0m đến 6.3m nằm dọc tuyến mép bến, vị trí điểm đầu của dải cạn cách điểm N6 khoảng 48m, vị trí điểm cuối của dải cạn cách điểm N6 khoảng 81m. Khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 2,5m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy hành hải trên luồng vào Bến cảng nhà máy Lọc Hóa dầu Nghi Sơn đi đúng tuyến luồng, theo hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng và lưu ý các dải cạn nói trên./.

Ghi chú: Truy cập nội dung công bố thông báo hàng hải tại địa chỉ <https://cangvuhanghaithanhhoa.com.vn/thong-bao-hang-hai>.

Nơi nhận:

- Cục HHĐTVN (để b/cáo);
- PGĐ Hoàng Văn Thủy;
- Các Cảng vụ: Hàng hải, Đường thủy nội địa;
- Tổng C.ty BĐATHH Việt Nam (th/báo trên website);
- Trung tâm PHTKCN hàng hải khu vực II;
- C.ty TNHH MTV Hoa tiêu miền Bắc;
- CN C.ty TNHH MTV HT miền Bắc - Hoa tiêu VI;
- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn;
- Công ty Cổ phần định vị Thiên Nam;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Bộ tư lệnh Hải quân;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Các Hiệp hội chủ tàu;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển;
- Các Doanh nghiệp cảng biển;
- Các C.ty Đại lý hàng hải;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (để thông báo trên đài duyên hải);
- Website Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa;
- Phòng ATANHH, Đ.D Lệ Môn;
- Lưu: VT, QLCKHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn